

Bản án số: 135/2025/DS-PT

Ngày: 27 - 3 - 2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh.

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung;

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phương Linh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLPT-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 421/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 56/2025/QĐ-PT ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Cẩm N; sinh năm: 1986; cư trú tại: Ấp E, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Bà Huỳnh Thị G; sinh năm: 1961; cư trú tại: Ấp C, xã T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Do có kháng cáo của: Bà Huỳnh Thị G – là bị đơn.

Bà Nguyễn Cẩm N, bà Huỳnh Thị G có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Cẩm N trình bày: Từ năm 2017, bà G có hỏi vay tôi nhiều lần và có trả nhưng không có làm biên nhận, đến ngày 02/02/2019 hai bên có chốt nợ và làm biên nhận bà G nợ số tiền 35.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng. Tuy nhiên từ ngày chốt nợ đến nay bà G không trả vốn và lãi.

Nay tôi yêu cầu bà G trả tôi 35.000.000đ và lãi suất 20%/năm từ ngày 02/02/2019 đến ngày 02/10/2024 là 68 tháng với số tiền lãi là 39.508.000đ. Tổng vốn và lãi là 74.508.000đ. Khi làm biên nhận ngày 02/02/2019 là do chốt nhiều khớp chỉ tính tiền vốn, khi đó chỉ có 33 triệu mấy, có đưa cho bà G thêm một triệu mấy để chẵn 35 triệu đồng, không có tiền lãi. Đối với biên nhận bà G cung cấp là chữ viết của tôi viết vào ngày 16/9/2019, nhưng đây là tiền trả cho khoản tiền vay khác theo 03 biên nhận trước đó của bà G (biên nhận ngày 07/11/2017, biên nhận ngày 07/12/2017 và biên nhận ngày 07/4/2018), hiện cả 03 biên nhận này tôi còn giữ, do khi trả bà G chưa trả đủ nên tôi chỉ ghi nội dung bà G trả chứ không có ký tên và vẫn giữ biên nhận, số tiền bà G trả cho 03 khoản vay này chưa đủ, còn 12.000.000đ nhưng do thấy bà G khó khăn và cũng đã có trả lãi nên tôi cho bà G, không có yêu cầu. Tôi chỉ yêu cầu đối với Biên nhận ngày 02/02/2019 số tiền 35.000.000đ, không có liên quan đến 03 biên nhận.

Bà Huỳnh Thị G trình bày: Trước đây vào tháng 6/2017 tôi có vay Nhung 5.000.000đ, sau đó có vay nhiều lần, tổng số tiền là 12.000.000đ, lãi mỗi tháng tôi đóng là 3.000.000đ, chia làm 3 lần đóng, nhưng tôi không có khả năng đóng lãi. Đến cuối năm 2018 N có tính vốn và lãi lên 20.000.000đ, lãi vẫn tính mỗi tháng là 3.000.000đ. Đến tháng 2/2019 thì N có tính vốn và lãi cộng lên thành 35.000.000đ và N có yêu cầu tôi viết biên nhận, tôi có xin N trả vốn gốc là 12.000.000đ và ngưng tính lãi nhưng N không đồng ý. Sau đó tôi có đưa N từ ngày 30/7/2019 đến ngày 16/9/2019 số tiền là 15.500.000đ (lần thứ nhất đưa 4.000.000đ vào ngày 30/7/2019; đưa 4.000.000đ vào ngày 15/8/2019; đưa 6.000.000đ vào ngày 30/8/2019 và đưa 1.500.000đ vào ngày 16/9/2019. Cùng ngày 16/9/2019 tôi có yêu cầu N viết biên nhận N có nói do tôi chưa trả hết số tiền lãi nên N chỉ ghi để nhớ mà không ký tên. Từ ngày 16/9/2019 đến nay tôi không còn đóng tiền cho N nữa. Nay tôi chỉ thừa nhận còn nợ N số tiền 12.000.000đ tiền gốc như Biên nhận ngày 16/9/2019 và xin bỏ lãi do tôi đã đóng lãi nhiều cho bà N và hiện hoàn cảnh tôi khó khăn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 421/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định (tóm tắt).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm N.

Buộc bà Huỳnh Thị G trả cho bà Nguyễn Cẩm N số tiền 74.508.000đ đồng (trong đó nợ gốc là 35.000.000 đồng và lãi là 39.508.000 đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, trường hợp thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 30/12/2024 bà Huỳnh Thị G kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét theo hướng chấp nhận lời trình bày theo đơn kháng cáo của bà.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Huỳnh Thị G nộp cho Tòa án 01 thẻ nhớ ghi âm và ghi hình cuộc điện thoại giữa bà N với con của bà, đồng thời bà G giữ nguyên nội dung kháng cáo, bà G trình bày:

Số tiền 15.500.000đ mà bà đã trả cho bà N là số tiền mà bà trả cho số tiền 35.000.000đ trên giấy nợ nhưng khi đó bà trả không đủ nên bà N không làm lại giấy nợ khác mà vẫn giữ lại giấy nợ 35.000.000đ. Do đó bà chỉ còn nợ bà N 19.500.000đ (trong đó vốn 12.000.000đ). Các mốc thời gian mà bà đã trả tiền như sau:

Ngày 30/7/2019 4.000.000đ; ngày 15/8/2019 4.000.000đ; ngày 30/8/2019 6.000.000đ; ngày 16/9/2019 1.500.000đ.

Bà G xác định trước lúc bà ghi giấy nợ 35.000.000đ thì bà đã đóng lãi rất nhiều lần cho bà N, với lãi xuất từ 5% đến 10%, bằng chứng là file ghi âm cuộc điện thoại giữa bà N và con của bà G. Nay bà G yêu cầu Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo là bà chỉ còn thiếu bà N 19.500.000đ vốn và lãi (vốn 12.000.000đ).

Nguyên đơn Nguyễn Cẩm N yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của bà Huỳnh Thị G, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét đơn kháng cáo của bị đơn Huỳnh Thị G nộp trong thời hạn qui định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo qui định pháp luật.

Xét kháng cáo của bà Huỳnh Thị G, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Bà N và bà G thừa nhận có 04 biên nhận có tiêu đề “Biên nhận tiền mặt”, tuân tự vào các ngày 07/11/2017, số tiền 7.000.000đ; ngày 7/12/2017, số tiền 5.000.000đ; ngày 7/4/2018, số tiền 17.000.000đ; ngày 02/12/2019, số tiền 35.000.000đ, 04 biên nhận trên đều do bà G ký (bút lục 39, 40, 41, 42).

[2] Đối với biên nhận có tiêu đề “Biên nhận” (bút lục 38) thì bà N xác định do bà N viết, viết vào ngày 16 tháng 9 nhưng không ghi năm. Bà N và bà G đều xác

định vào năm 2019. Nội dung biên nhận thể hiện: “Con Nguyễn Cẩm N có nhận gì Gọn 3 lần 14.000.000 triệu. Nay 16 – 9 – 1.500 một triệu năm trăm. Trước tháng 5 còn thiếu con 12.000.000 triệu.”.

[3] Như vậy, giao dịch giữa bà N và bà G được thể hiện 05 biên nhận mà cả hai cùng thừa nhận, gồm:

04 biên nhận có tiêu đề “Biên nhận tiền mặt” như mục [1], do bà G ký và 01 biên nhận tiêu đề “Biên nhận” ngày 16/9/2019 do bà N viết như mục [2].

[4] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà N giải trình về biên nhận do bà viết vào ngày 16/9/2019, như sau:

“Đối với biên nhận bà G cung cấp là chữ viết của tôi viết vào ngày 16/9/2019, nhưng đây là tiền trả cho khoản tiền vay khác theo 03 biên nhận trước đó của bà G (biên nhận ngày 07/11/2017, biên nhận ngày 07/12/2017 và biên nhận ngày 07/4/2018), hiện cả 03 biên nhận này tôi còn giữ, do khi trả bà G chưa trả đủ nên tôi chỉ ghi nội dung bà G trả chứ không có ký tên và vẫn giữ biên nhận, số tiền bà G trả cho 03 khoản vay này chưa đủ, còn 12.000.000đ nhưng do thấy bà G khó khăn và cũng đã có trả lãi nên tôi cho bà G, không có yêu cầu. Tôi chỉ yêu cầu đối với Biên nhận ngày 02/02/2019 số tiền 35.000.000đ”.

[5] Lời trình bày của bà N nêu tại mục [4] như trên có mâu thuẫn, bởi lẽ:

- Đối với 03 biên nhận: Ngày 07/11/2017, số tiền 7.000.000đ; ngày 7/12/2017, số tiền 5.000.000đ; ngày 7/4/2018, số tiền 17.000.000đ, thì tổng số tiền là 29.000.000đ.

- Theo Biên nhận do bà N viết vào ngày 16/9/2019 và lời trình bày của bà nhưng tại tiểu mục [2.3] thì tổng số tiền bà G trả cho bà N đối với 03 biên nhận ngày 07/11/2017, 7/12/2017 và 7/4/2018, là 15.500.000đ, bà G còn thiếu 12.000.000đ”.

- Mâu thuẫn: 03 biên nhận bà G nợ tổng 29.000.000đ, bà G đã trả 15.500.000đ, thì bà G phải còn thiếu 13.500.000đ, chứ không phải 12.000.000đ như bà N ghi trong biên nhận ngày 16/9/2019 và lời trình bày của bà N tại mục [4].

Do đó, lời trình bày, giải trình của bà N đối với số tiền 15.500.000đ thể hiện trong biên nhận ngày 16/9/2019, là bà G trả cho các khoản vay ngày 07/11/2017, 7/12/2017 và 7/4/2018, là không có căn cứ.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà G cung cấp chứng cứ mới là 01 thẻ nhớ (USB) ghi âm cuộc trò chuyện qua điện thoại giữa bà N với con bà G là chị Nguyễn Thị Bích Đ ghi vào ngày 24/10/2024. Tại phiên tòa phúc thẩm, sau khi nghe đoạn ghi âm, bà N thừa nhận tiếng nói trong đoạn ghi âm là tiếng của bà nói chuyện với con bà G, nội dung trao đổi như trong đoạn ghi âm là có thật.

Nhận thấy, nội dung đoạn ghi âm có đoạn thể hiện:

Con bà G (Nguyễn Thị Bích Đ) nói: “Trong những số tiền này là cộng dồn là có gồm lãi 5 phân và lãi 10 phân, đúng không, mà nhiều lần”.

Bà N nói: Ừ.

[7] Với việc bà N thừa nhận âm thanh trong USB là tiếng nói của bà và nội dung trao đổi giữa bà và con bà G là có thật, thì nội dung trong đoạn ghi âm là một phần căn cứ để Hội đồng xét xử xác định Bà G vay tiền của bà N, lãi suất từ 5% đến 10%, các biên nhận sau thể hiện cộng dồn vốn và lãi chậm trả.

[8] Tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, bà G giải trình về số tiền vay của bà N như sau:

Trước đây vào tháng 6/2017 tôi có vay Nhung 5.000.000đ, sau đó có vay nhiều lần, tổng số tiền là 12.000.000đ, lãi mỗi tháng tôi đóng là 3.000.000đ, chia làm 3 lần đóng, nhưng tôi không có khả năng đóng lãi. Đến cuối năm 2018 N có tính vốn và lãi lên 20.000.000đ, lãi vẫn tính mỗi tháng là 3.000.000đ. Đến tháng 2/2019 thì N có tính vốn và lãi cộng lên thành 35.000.000đ và N có yêu cầu tôi viết biên nhận, tôi có xin N trả vốn gốc là 12.000.000đ và ngưng tính lãi nhưng N không đồng ý. Sau đó tôi có đưa N từ ngày 30/7/2019 đến ngày 16/9/2019 số tiền là 15.500.000đ (lần thứ nhất đưa 4.000.000đ vào ngày 30/7/2019; đưa 4.000.000đ vào ngày 15/8/2019; đưa 6.000.000đ vào ngày 30/8/2019 và đưa 1.500.000đ vào ngày 16/9/2019. Cùng ngày 16/9/2019 tôi có yêu cầu N viết biên nhận N có nói do tôi chưa trả hết số tiền lãi nên N chỉ ghi để nhớ mà không ký tên. Từ ngày 16/9/2019 đến nay tôi không còn đóng tiền cho N nữa. Nay tôi chỉ thừa nhận còn nợ N số tiền 12.000.000đ tiền gốc như Biên nhận ngày 16/9/2019 và lãi 7.500.000đ, tổng số tiền là 19.500.000đ.

[9] Từ những chứng cứ, tình tiết nêu trên, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định bản chất của sự việc như sau:

Bà G vay tiền của bà N, lãi suất từ 5% đến 10%, các biên nhận sau thể hiện cộng dồn vốn và lãi chậm trả, cho đến biên nhận ngày 02/12/2019, số tiền 35.000.000đ. Ngày 16/9/2019 bà G trả 15.500.000đ là trả cho biên nhận ngày 02/12/2019 (35.000.000đ), còn thiếu 19.500.000đ (bà G cũng thừa nhận còn thiếu bà N 19.500.000đ nhưng cho là gồm vốn và lãi).

[10] Việc bà G trình bày bà trả lãi nhiều lần với lãi suất 5% đến 10% nhưng bà không chứng minh, lý giải được về số tiền lãi đã đóng cụ thể, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ tính lãi lại.

[11] Đối với nội dung ghi cuối biên nhận ngày 16/9/2019: “Trước tháng 5 còn thiếu con 12.000.000đ”, số tiền này bà N không có yêu cầu.

[12] Do có căn cứ xác định đến ngày 16/9/2019 bà G còn thiếu bà N 19.500.000đ, nên số tiền này được tính lãi đến ngày 02/10/2024 (theo yêu cầu của bà N), với lãi suất 20%/năm. Số tiền bà G phải trả, cụ thể:

16/9/2019 đến 02/10/2024 là 60 tháng 16 ngày. Lãi 1,66%/tháng.

$(19.500.000đ \times 1,66\%) \times 60 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 19.594.500đ$ (làm tròn).

Tổng vốn và lãi bà G phải trả: $19.500.000đ + 19.594.500đ = 39.094.500đ$.

[13] Bà N bị bác yêu cầu khởi kiện, với số tiền:

74.508.000đ – 39.094.500đ = 35.413.500đ.

[14] Từ tình tiết mới qua đoạn ghi âm, kết hợp với những chứng cứ, phân tích và nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị G, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 421/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

[15] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Cẩm N phải chịu 1.770.000đ (làm tròn).

Bà Huỳnh Thị G là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị G không phải chịu (đã được miễn dự nộp án phí).

[16] Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Huỳnh Thị G.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 421/2024/DS-ST ngày 18 tháng 12 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Áp dụng Điều 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm N.

Buộc bà Huỳnh Thị G trả cho bà Nguyễn Cẩm N số tiền 39.094.500đ (ba mươi chín triệu không trăm chín mươi bốn ngàn năm trăm đồng), trong đó nợ gốc là 19.500.000đ và lãi là 19.594.500đ.

Kể từ ngày bà N có đơn yêu cầu thi hành án, bà G không tự nguyện thi hành xong, thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Cẩm N, với số tiền 35.413.500đ.

3. Án phí

- Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Bà Nguyễn Cẩm N phải chịu 1.770.000đ (một triệu bảy trăm bảy mươi ngàn đồng). Ngày 03/10/2024 bà N đã dự nộp 1.866.000đ, theo Biên lai số 0009366, của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, bà Nguyễn Cẩm N được nhận lại 96.000đ.

Bà Huỳnh Thị G được miễn án phí.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị G không phải chịu.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các quyết định khác của án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân Thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS Thành Phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Minh Trung - Châu Minh Hoàng

Đỗ Cao Khánh

